

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2017/HSST

Ngày: 01/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : **Bà Nguyễn Thị Hải Lý**
- Các hội thẩm nhân dân :
 1. Ông **Nguyễn Thanh Nghĩa**
 2. Bà **Phạm Thị Láng**

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Tho** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Tuyên Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2017/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo: **Trần Văn T**, sinh năm 1973

- Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12. Con ông Trần Minh T (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1948. Có vợ là: chị Trần Thị Giang T, sinh năm 1976. Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: học hết lớp 10/12, sau đó ở nhà lao động tự do.

+ Bản án số 46/HSST ngày 01/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2008. Đã chấp hành xong phần hình phạt và án phí.

+ Bản án số 18/HSST ngày 27/4/20012 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2012. Chấp hành xong án phạt tù ngày 31/8/2014. Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/6/2017 đến ngày 29/6/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T:** Ông Ngô Xuân P - Luật sư của văn phòng luật sư P và Cộng sự Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Trần Thị Giang T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn P , xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Ông P, chị T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 20/6/2017, Trần Văn T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Vespa, biển số đăng ký 17B3 - 184.92 đi từ nhà sang khu vực chợ cống Tráng, thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, T gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi, T không biết tên, địa chỉ, đang đứng một mình ở lề đường, đoán là người bán ma túy nên T lại gần hỏi: “Có hàng không?”, ý hỏi mua ma túy đá. Người đàn ông trả lời: “Có, lấy nhiều không?”, T nói: “Bán cho bốn trăm” đồng thời đưa cho người đàn ông 400.000 đồng. Người đàn ông nhận tiền và đưa lại cho T 02 túi nilon nhỏ trong suốt được dán kín, bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng. Xác định đã mua được ma túy, T không mở ra kiểm tra mà bỏ vào túi áo ngực phía trước bên trái đang mặc rồi điều khiển xe đi đến Bệnh viện đa khoa huyện V, thuộc địa phận tổ M 2, thị trấn V, huyện V để thăm người ốm. Khi T đi đến khu vực lán gửi xe của bệnh viện thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện V phát hiện bắt quả tang; thu giữ tại túi áo ngực phía trước bên trái T đang mặc 02 túi Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,3480 gam (*Một phẩy ba nghìn bốn trăm tám mươi gam*), T khai là Methamphetamine mua về để sử dụng cho bản thân.

Bản kết luận giám định số 260/LKGD-PC54 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: “Mẫu gửi giám định thu của Trần Văn T là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,3480 gam (*Một phẩy ba nghìn bốn trăm tám mươi gam*)” . Methamphetamine STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính Phủ (Bút lục số 10)

Bản cáo trạng số 65/KSĐT ngày 17/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Trần Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân huyện Vũ Thư vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13

đã được bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt : Trần Văn T mức án từ 01 năm 06 tháng đến từ 02 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là đối tượng nghiện, thu nhập không ổn định.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu số Methamphetamine thu của Trần Văn T sau giám định hoàn lại còn 1,0385 gam trong bao niêm phong số 260/KLGD-PC54, đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 18/8/2017 để tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị HĐXX xem xét: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 14 giờ 15 phút ngày 20/6/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Biên bản niêm phong vật chứng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 16 giờ 20 phút ngày 20/6/2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bản kết luận giám định số 260/LKGD-PC54 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định thu của Trần Văn T là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,3480 gam (*Một phẩy ba nghìn bốn trăm tám mươi gam*)”

Methamphetamine STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính Phủ

- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1970. Trú tại: Số nhà 69, ngõ 6, Tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình; anh Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1995, trú tại: thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1992, trú tại thôn Q, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi tàng trữ trái phép 1,3480 gam Methamphetamine để sử dụng cho bản thân của Trần Văn T đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Điều luật quy định như sau:

Điều 194: *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.*

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

.....

5. *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.*

Điều 249 - Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*”

1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

c, Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

So với quy định tại khoản 1 điều 194 BLHS 1999 thì quy định tại khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 có lợi hơn cho người phạm tội nên cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số

100/2015/QH13 đã được bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định này.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi tàng trữ Methamphetamine có trọng lượng 1,3480 gam của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ hành vi đó đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội.

Trong những năm gần đây, tình hình tệ nạn ma túy đã và đang trở thành hiểm họa lớn của toàn nhân loại. Không một quốc gia, dân tộc nào thoát ra ngoài vùng xoáy khủng khiếp của nó để tránh khỏi những hậu quả do nghiện hút và buôn bán ma túy gây ra. Ma túy đang làm gia tăng tội phạm, bạo lực, tham nhũng, vắt kiệt nhân lực tài chính, hủy diệt những tiềm năng quý báu mà lẽ ra phải được huy động cho phát triển kinh tế - xã hội để đem lại ấm no hạnh phúc cho mọi người. Chính ma túy đã gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây xói mòn đạo lý, kinh tế xã hội... Nghiện trọng hơn ma túy còn là tác nhân của căn bệnh thế kỷ HIV, AIDS và là căn nguyên phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét đến nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo có nhân thân xấu. Là người đàn ông trưởng thành lẽ ra bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy thì phải tránh xa loại tệ nạn này, song để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân. Đây là hành vi vi phạm pháp luật được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện rõ thái độ cắn rứt, lương tâm bị dày vò do tội lỗi của bị cáo gây ra, tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy nên áp dụng điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo cũng là thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: cần phải xử lý nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

*** Về hình phạt bổ sung:** theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*.

Bị cáo Trần Văn T mua ma túy về sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích kiếm lời. Bị cáo là đối tượng nghiện, không có việc làm và thu nhập ổn định. Do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng và tài sản:

- Đối với số Methamphetamine của Trần Văn T sau giám định hoàn lại còn 1,0385 gam và bao gói trong bao niêm phong số 260/KLGD-PC54 đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 18/8/2017 là vật chứng của vụ án nên tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với người người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ tại khu vực chợ C, thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình điều tra chưa xác định được người này. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đang tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Piaggio, biển số đăng ký 17B3 –xxx.xx đăng ký mang tên chị Trần Thị Giang T, sinh năm 1976, trú tại thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình - là vợ của Trần Văn T: Tài liệu điều tra xác định chị Giang T không biết việc T mượn xe để đi mua ma túy đồng thời chị Giang T đã xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Giang T là phù hợp (*Tại biên bản trả tài sản ngày 28/7/2017*). Tại phiên tòa hôm nay chị Giang T không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có 15 ngày kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Văn T 01(*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/6/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là đối tượng nghiện, không có việc làm và thu nhập ổn định.

2. Về vật chứng, xử lý vật chứng và tài sản: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu số Methamphetamine thu của Trần Văn T sau giám định hoàn lại còn 1,0385 gam và bao gói trong bao niêm phong số 260/KLGD-PC54 đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện V ngày 18/8/2017 để tiêu hủy.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra lại cho chị Trần Thị Giang T, sinh năm 1976, trú tại thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio, biển số đăng ký 17B3 -184.92 mang tên Trần Thị Giang T (*Tại biên bản trả tài sản ngày 28/7/2017*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D Vũ Thư
- Công an Vũ Thư
- Chi cục T.H.A DS huyện Vũ Thư
- Bị cáo, nơi cư trú của b/c.
- Người bào chữa cho bị cáo
- Người có QL-NVLQ
- TAND tỉnh TB
- Sở TP
- Lưu hồ sơ,
- Lưu HCTP

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa